

Bảo vệ môi trường nâng cao chất lượng sống CHO NHÂN DÂN VÙNG BIỂN ĐẢO

○ TS. CHU THÁI THÀNH

Vùng biển đảo và ven biển nước ta dài rộng và tươi đẹp, chứa đựng nhiều nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng với trữ lượng, quy mô lớn, cho phép phát triển nhiều lĩnh vực kinh tế biển quan trọng, nuôi sống khoảng 29,2 triệu người, chiếm 34,6% dân số cả nước. Tuy nhiên, vùng biển đảo và ven biển nước ta đang đứng trước những thảm họa về môi trường và cạn kiệt tài nguyên. Cần có những giải pháp cấp thiết, cơ bản, lâu dài để bảo vệ tài nguyên, môi trường, phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao chất lượng sống cho nhân dân vùng này.

Lợi ích kinh tế to lớn của vùng biển đảo và ven biển

Nước ta có bờ biển dài hơn 3.260km, với đặc điểm có nhiều vùng đất ngập nước và nhiều kiểu hệ sinh thái biển, kể cả khoảng 100 hệ thống cửa sông lớn nhỏ, cùng với rừng ngập mặn và bãi bùn (khoảng 290.000 ha), những đầm lầy ngập nước theo mùa, những đụn cát ven biển, những đầm phá nước mặn và nước lợ (khoảng 100.000 ha) và nhiều rạn san hô gần bờ, thảm cỏ biển với khoảng 10.000 đảo lớn nhỏ. Đây cũng là nơi dân cư tập trung đông, nguồn nhân lực dồi dào, với số dân khoảng 29,2 triệu người, chiếm 34,6% dân số cả nước và số người trong độ tuổi lao động chiếm 35,5% lao động cả nước.

Biển đảo và ven biển đem lại lợi ích kinh tế trực tiếp, như nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, đồng thời đem lại lợi ích gián tiếp cho con người. Các vùng đầm lầy có rừng ngập mặn và các cửa sông có ý nghĩa sinh thái đặc biệt, là chỗ đẻ trứng, nuôi ấu trùng, nơi kiếm ăn cho nhiều loài có giá trị kinh tế như cá, ốc, tôm, cua và nhiều loài hải sản khác... và là nơi cung cấp thực phẩm quan trọng cho người nghèo.

Các đầm phá ven bờ là hệ sinh thái có sức sinh sản cao do ở đây có hàm lượng chất dinh dưỡng lớn hơn vùng biển, ngay cả trong mùa khô. Ở đây có thể khai thác nhiều loài động vật, thực vật, nhất là cá, tôm, cua, ốc, hàu và rong câu... Những rạn san hô là nơi quy tụ nhiều chất dinh dưỡng, nhiều loài sinh vật biển và là nơi ẩn nấp và sinh sản của nhiều loài hải sản quan trọng. Các đụn cát, rừng ngập mặn và các rạn san hô cũng tạo nên vùng đệm, ngăn cản tác hại của lũ lụt, xói mòn đất, sóng bão.

Tài nguyên vùng biển đảo và ven biển phong phú, đa dạng là nguồn thực phẩm và là nguồn thu nhập quan trọng cho phần lớn nhân dân vùng này. Trữ lượng các loài cá biển khoảng 3 triệu tấn; trữ lượng tôm he và tôm vỏ khoảng 57.330 tấn với khả năng khai thác 20.000 tấn. Các loài cua, ghẹ, ngao đá, nghêu, sò huyết có khả năng khai thác lớn. Ngoài ra, còn có các loài đặc sản có giá trị như tu hài, vẹm xanh, điệp, hàu, bào ngư, ốc hương, tổ yến cũng là nguồn lợi lớn từ biển đảo và ven biển nước ta. Hàng năm lượng cá đánh bắt được lên tới hàng triệu tấn, trong đó phần quan trọng dành cho xuất khẩu. Khoảng 80-90% sản

lượng cá biển đánh bắt được là từ vùng nước nông ven bờ. Nghề biển đã cung cấp khoảng 30% lượng đạm động vật cho nhân dân vùng biển đảo và ven biển.

Gần đây, kinh tế biển nước ta đã có bước phát triển, nhờ chính sách di dân và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên các đảo, như mở rộng hệ thống giao thông, mạng lưới điện, cung cấp nước ngọt, xây dựng thêm trường học, bệnh xá... Tuy vậy, kết cấu hạ tầng các vùng biển đảo và ven biển vẫn còn yếu kém và lạc hậu. Theo ước tính, quy mô kinh tế (GDP) biển và vùng ven biển nước ta đạt khoảng 47-48% GDP cả nước, trong đó GDP của kinh tế "thuần biển" đạt khoảng 20-22% tổng GDP cả nước. Trong các ngành kinh tế biển, đóng góp của các ngành kinh tế diễn ra trên biển chiếm tới 98%, chủ yếu là khai thác dầu khí, hải sản, hàng hải, du lịch, các ngành kinh tế có liên quan trực tiếp tới khai thác biển như đóng tàu, chế biến dầu khí, chế biến hải sản, thông tin liên lạc bước đầu phát triển, nhưng quy mô còn nhỏ bé. Hệ thống cảng biển còn lạc hậu và chưa đồng bộ nên hiệu quả thấp. Tuy nhiên, chúng ta đang nỗ lực khai

thác, bảo vệ và phát triển lợi ích kinh tế từ vùng biển đảo và ven biển, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng sống của nhân dân vùng này và nhân dân cả nước.

Cấp báo ô nhiễm môi trường và cạn kiệt nguồn tài nguyên, sinh thái

Những hệ sinh thái biển đảo và ven biển nước ta đang nhanh chóng bị xuống cấp hoặc bị biến đổi. Mặc dù trong chiến tranh hàng loạt những khu rừng ngập mặn ở phía Nam đã bị tàn phá, đã được nhân dân vùng biển đảo trồng lại, nhưng áp lực kinh tế hiện thời đã biến rừng ngập mặn thành nơi cây cấy hoặc nuôi trồng thủy hải sản theo hướng phát triển không bền vững. Nước ta lại là một trong năm nước chịu tác động lớn nhất của biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng cao, trước hết là vùng biển đảo và ven biển. Các hệ sinh thái ven biển, các giá trị dịch vụ, người dân ven biển và trên các đảo là những đối tượng dễ bị tổn thương và chịu tác động mạnh mẽ nhất.

Nghề đánh bắt cá ven bờ đang khai thác quá mức, các rạn san hô bị xuống cấp do những cách đánh bắt có tính hủy diệt, và bị cạy lên để nung vôi. Phần lớn dân cư sinh sống ở vùng gần ven biển và việc sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp đều tập trung ở vùng này như: Châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long, nên tình trạng ô nhiễm công nghiệp và đô thị cùng nhiều hình thức phát triển khác trong vùng lưu vực sông là mối đe dọa nghiêm trọng đối với tài nguyên vùng biển đảo và ven biển.

Trong những năm tới, dự kiến mức tăng trưởng trong hoạt động kinh tế, nhất là việc đẩy mạnh nông nghiệp, phát triển tài nguyên nước và công nghiệp, xây dựng bến cảng,

khai thác và vận chuyển dầu sẽ tăng thêm sức ép lên vùng biển đảo, ven biển và tài nguyên biển. Ngành du lịch sẽ nhanh chóng được mở rộng ở vùng biển đảo sẽ gây thêm sức ép lên vùng này, nhất là các bờ biển quý giá như vịnh Hạ Long, Vũng Tàu và dải bờ biển miền Trung.

Các hoạt động trên biển cũng tiềm tàng những nguy cơ gây ô nhiễm môi trường vùng biển đảo. Đầu tiên là việc phá rừng ngập mặn một cách bừa bãi để nuôi trồng thủy sản, phá vỡ hệ cân bằng sinh thái, làm mất đi nhiều loài hải sản quý hiếm; việc đánh bắt cá bằng lưới quét mắt nhỏ, bằng chất nổ, thuốc độc... đã tiêu diệt hàng chục loài sinh vật biển, theo đánh giá của các nhà khoa học, thì phải mất hàng chục năm mới khôi phục lại được. Việc quai đê lấn biển ở một số vùng cửa sông, ven bờ cũng làm thay đổi dòng chảy và có nguy cơ xói lở bờ ở các vùng khác. Tình trạng ngập lụt ở các vùng ven biển do chặt phá rừng bừa bãi để khai thác gỗ, đốt rừng đầu nguồn... đã làm đảo lộn các hệ sinh thái, dẫn đến việc hủy diệt các dải san hô, nơi sinh sống của nhiều loài thủy sản.

Hiện nay, việc khai thác, thăm dò dầu khí ở nước ra đang trên đà phát triển. Bên cạnh sự phát triển đó là những rủi ro đối với kinh tế và đời sống người dân ven biển, trong đó nguy cơ dầu tràn là mối đe dọa đặc biệt nghiêm trọng. Dầu tràn từ biển trôi vào bờ, trước mắt thiệt hại cho việc đánh bắt cá, nuôi trồng hải sản, làm muối, du lịch... sau đó ảnh hưởng lâu dài, nghiêm trọng đến sự phát triển sinh vật ven bờ và sức khỏe con người.

Ô nhiễm dầu có thể do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, như giao thông vận tải và vận chuyển dầu, khai thác thăm dò dầu khí ngoài khơi, xử lý và phân phối

kinh doanh dầu, đánh bắt cá, du lịch hoặc các hoạt động có liên quan đến sử dụng dầu trong các lưu vực. Vấn đề nguy hiểm đặt ra là dầu đã loang vào bờ biển nước ta. Quan sát bằng mắt thường, chúng ta đã thấy được các mảng, vệt, văng dầu, các tảng cục dầu ngậm nước trôi nổi ở vùng nước sát bờ. Có thể đó là các tảng, cục dầu ngậm nước đã bị phong hóa ở các mức độ khác nhau nằm trên bờ bãi. Đối với ô nhiễm dầu không thấy được bằng mắt thường, thường là dạng hòa tan trong nước hoặc lắng đọng cùng trầm tích, hàm lượng đã vượt quá giới hạn cho phép trong tiêu chuẩn nước biển ven bờ TCVN 5943-1995. Thời gian qua, nhiều mảng dầu, vón dầu không rõ chủng loại và xuất xứ đã được phát hiện ở nhiều nơi dọc bờ biển nước ta như: Quảng Ninh, Hải Phòng, Nam Định, Thanh Hóa, Trà Vinh, Bến Tre... Khối lượng dầu tràn thường khá lớn, vết dầu rộng tràn vào bờ gấp 10-20 lần mức cho phép.

Đối với các cảng biển, hàm lượng dầu cao hơn tiêu chuẩn cho phép là do sự rò rỉ thường xuyên và không tránh được của tàu thuyền cùng các dịch vụ nhập, xuất, tiếp dầu. Việc thải các chất lỏng có chứa dầu, dầu cặn, sự khuếch tán của lớp bùn cát đáy chứa dầu làm ô nhiễm. Đối với các vùng cửa sông, phần lớn là do các hoạt động trên đất liền hoặc từ các cảng sâu hơn theo dòng nước sông đưa ra làm cho các cửa sông đều có hàm lượng dầu trong nước cao hơn tiêu chuẩn cho phép, như ở các sông Cấm, sông Hàn, sông Hồng, sông Thái Bình, sông Thu Bồn, sông Đồng Nai và Định An... Ở các vùng biển ven bờ, dầu thường theo sông thải ra rồi theo hệ thống dòng chảy sát bờ đưa đi xa hơn. Ví dụ, như vùng biển rộng từ Đồ Sơn đến gần cửa Ba Lạt, có hàm lượng dầu rất cao, do dòng nước từ

cảng cửa sông Hải Phòng cùng các sông Hồng và sông Thái Bình đổ ra. Sự ô nhiễm dầu ở các vùng gần các tuyến giao thông biển nhộn nhịp, hoặc gần nơi thăm dò khai thác dầu khí cũng rất nghiêm trọng. Ô nhiễm môi trường biển sẽ làm cạn kiệt dần nguồn tài nguyên, sinh thái, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống của người dân vùng biển đảo và ven biển.

Những giải pháp cấp thiết, cơ bản, lâu dài

Sự tăng trưởng của nền kinh tế đất nước với tốc độ cao, tất yếu sẽ có những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, tài nguyên vùng biển đảo và ven biển. Tuy nhiên, chúng ta cần phải có những biện pháp cấp bách, cơ bản, lâu dài nhằm hạn chế đến mức thấp nhất sự thiệt hại do ô nhiễm gây ra đối với môi trường và tài nguyên vùng biển đảo và ven biển.

Nước ta đã có Luật BVMT, nhưng việc đưa luật vào đời sống xã hội, để trở thành ý thức chấp hành trong mỗi người dân vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Hiện nay, hiểu biết của người dân về những hoạt động có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như: Đốt, phá rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển, xả rác bừa bãi ra sông hồ, bờ biển,... còn rất hạn chế. Cần phải có những biện pháp tuyên truyền sâu rộng, có hướng dẫn đầy đủ đến người dân để họ hiểu được sự cần thiết phải BVMT nói chung và môi trường biển, đảo nói riêng. Cần kiểm soát chặt chẽ các bến cảng biển và khuyến khích phát triển đánh bắt hải sản xa bờ. Đó chính là yếu tố tiên quyết quyết định sự phát triển nền kinh tế biển, góp phần làm nên sự phồn thịnh của một quốc gia.

Bảo vệ và gìn giữ môi trường biển đảo và ven biển cũng cần có

sự hợp tác của các ngành, các cấp và sự đầu tư đúng mức của Nhà nước cho việc phát triển công nghệ tiên tiến như: Tin học, vật lý học, viễn thám để kiểm soát được mức độ ô nhiễm môi trường của các vùng này và có những giải pháp kịp thời điều chỉnh, ứng phó hiệu quả với những tác động nghiêm trọng của biến đổi khí hậu. Có chính sách phát triển các chuyên ngành môi trường biển đảo và ven biển ở các trường đại học, các viện nghiên cứu,... để xây dựng đội ngũ lao động chất lượng cao với đầy đủ các thiết bị cần thiết trong việc giải quyết vấn đề môi trường, dân sinh vùng biển đảo và ven biển.

Hợp tác quốc tế trong quản lý và BVMT biển đảo và ven biển có ý nghĩa rất quan trọng. Xuất phát từ việc môi trường biển đảo là vấn đề chung của các quốc gia, chúng ta cần phải phối hợp chặt chẽ với các nước có chung vùng biển và các nước có công nghệ cao áp dụng hữu hiệu vào việc BVMT biển đảo như: Đức, Nhật Bản, Mỹ... Trong thời gian qua, sự hợp tác này đã mang lại những thành công trong việc chuyển giao công nghệ, đặc biệt là chuyển giao phương pháp luận về quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho mục đích phát triển bền vững vùng biển đảo và ven biển. Trong khuôn khổ các dự án, chúng ta đã xây dựng được kết cấu hạ tầng kỹ thuật hiện đại và các phần mềm xử lý số liệu bằng công nghệ GIS như Arc INFO, Arc VIEW, hướng tới việc quản lý và xử lý các số liệu, tổng hợp, đánh giá tình hình ô nhiễm dải ven biển để kịp thời thông báo và khuyến cáo về những tác hại ảnh hưởng đến môi trường.

Vấn đề quan trọng đặt ra là, phải phát triển một nền kinh tế biển hiệu quả và bền vững. Muốn vậy,

phải xây dựng được một nền khoa học công nghệ biển hiện đại, có một phương thức quản lý biển tổng hợp, bảo đảm được an ninh sinh thái và an sinh xã hội vùng biển đảo và ven biển. Có kế hoạch phát triển kinh tế biển đi liền với bảo tồn thiên nhiên, du lịch sinh thái. Xây dựng, phát triển thương hiệu biển Việt Nam trong các lĩnh vực và vùng địa lý, trong đó có cảng nước sâu và khu kinh tế ven biển theo hướng kinh tế xanh.

Đẩy mạnh và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, phát huy những kinh nghiệm tốt, giải pháp hay trong công tác BVMT, phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng sống cho người dân vùng biển đảo và ven biển. Có thể kể đến bài học kinh nghiệm hay của Tiền Hải - Thái Bình, Hậu Lộc - Thanh Hóa, Diễn Châu - Nghệ An và các huyện ven biển miền Trung trong việc trồng rừng phòng hộ, bảo vệ đê biển, chống xói lở qua các cơn bão lớn hàng năm. Các huyện này còn có nhiều kinh nghiệm tốt trong việc đẩy mạnh giáo dục truyền thống, nâng cao ý thức của người dân giữ gìn vệ sinh môi trường, phát triển hệ sinh thái ven biển, khắc phục sự cố tràn dầu, nghiêm cấm khai thác bừa bãi các vùng ven sông, biển, nhất là xây dựng được vùng biển sinh thái giàu có, trong lành và sạch đẹp.

Trong những năm tới, Đảng và Nhà nước ta đang có chủ trương đẩy mạnh phát triển kinh tế biển. Theo hướng đó, các cấp, các ngành và các địa phương ven biển cần xây dựng chiến lược toàn diện, có sự điều tiết hợp lý và đề ra các sách lược đúng đắn trong nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên biển và hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm dải ven biển, bảo đảm sự phát triển kinh tế trong đa dạng sinh thái biển, đảo. ■